TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2026
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;
2. Ông Trương Thành Phương;
Thư ký phiên tòa*:* Bà Bùi Thị Thu Trang– Thư ký nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Bà Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 1999;

Địa chỉ thường trú: C, ấp T, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 361/8 N, ấp F, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2026 và các lời khai tại phiên họp, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Q trình bày như sau:

Bà và ông C cưới nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cũ (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh). Trước khi tiến tới hôn nhân có tìm hiểu nhau được 03 năm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn

thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm và không còn tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng năm 2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên bà Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 29/12/2020. Sau khi ly hôn, bà Q đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Minh C đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho ông C biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nhưng ông C không có ý kiến gì và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị Ngọc Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh C là quan hệ tranh chấp ly hôn. Ông C có nơi cư trú tại ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

Ông Nguyễn Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Lê Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Minh C cưới nhau vào năm 2020, theo Giấy chứng nhận đăng ký số 72/2020, Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cũ (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh) là hôn nhân là hợp pháp. Bà Q không rút đơn khởi kiện ly hôn với ông C.

Ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa để trình bày ý kiến của mình từ đó cho thấy ông C cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Q. Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Q được ly hôn với ông C.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 29/12/2020. Sau khi ly hôn, bà Q đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông C. Hiện nay cháu D do bà Q đang nuôi dưỡng. Ông C không có ý kiến gì về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q, giao cháu D cho bà Q nuôi dưỡng.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Q xác định không có tài sản chung nợ chung. Ông C không có ý kiến phản hồi về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Q về việc tranh chấp ly hôn đối với ông Nguyễn Minh C.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Nguyễn Minh C.

Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Ngọc Q nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 29/12/2020. Ông Nguyễn Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004640 ngày 11/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà Q đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 6 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Uỷ ban nhân dân xã Long Cang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân